

Số: 49 /2006/QĐ-UBND

Buôn Ma Thuột, ngày 06 tháng 11 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

"Về việc ban hành "Quy định mức hưởng lợi của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng thôn, buôn được giao, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp theo Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk"

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 14/12/2004;
- Căn cứ Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp;
- Căn cứ Thông tư liên tịch số 80/2003/TTLT-BNN-BTC ngày 03/9/2003 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp;
- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 24/TTr-NNPTNT ngày 27 tháng 02 năm 2006 về việc ban hành "Quy định mức hưởng lợi của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng thôn, buôn được giao, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk";

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này bản "Quy định mức hưởng lợi của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng thôn, buôn được giao, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp theo Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk".

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Buôn Ma Thuột, Thủ trưởng các Sở, ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *ph*

- Như Điều 3;
 - Vụ pháp chế - Bộ NN&PTNT;
 - Cục kiểm tra VB (Bộ tư pháp);
 - TT. Tỉnh ủy; *Xếp hạng chính phủ*
 - TT. HĐND tỉnh;
 - CT, PCT UBND tỉnh;
 - Các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
 - UBND các huyện, TP. BMT;
 - Lưu VT, NL (dương).
- (qd dương 30nl/NL/m2) *100*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
Dương Thanh Tương

QUY ĐỊNH

Mức hưởng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, buôn được giao, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp theo Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng chính phủ áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2006/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2006 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Đối tượng

a) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng và đất lâm nghiệp theo Luật đất đai năm 2003.

b) Hộ gia đình, cá nhân được các tổ chức Nhà nước khoán bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 8/11/2005 của Chính phủ và Quyết định số 304/2005/QĐ-TTg ngày 23/11/2005 của Thủ tướng chính phủ.

c) Cộng đồng dân cư thôn, buôn được nhà nước giao rừng và đất lâm nghiệp.

2) Phạm vi áp dụng

a) Quy định này áp dụng đối với các trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, buôn được giao rừng tự nhiên là rừng phòng hộ để quản lý, bảo vệ khoanh nuôi, tái sinh; được giao đất chưa có rừng để trồng rừng phòng hộ; được giao rừng tự nhiên là rừng sản xuất; được giao rừng trồng là rừng sản xuất; được giao đất trồng rừng sản xuất; được nhận khoán bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng phòng hộ; được nhận khoán chăm sóc, bảo vệ rừng trồng thuộc rừng sản xuất; được nhận khoán bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên; được nhận khoán phục hồi rừng tự nhiên là rừng sản xuất; được nhận khoán trồng, chăm sóc bảo vệ rừng sản xuất.

b) Những trường hợp hưởng lợi khác không được quy định trong bản Quy định này thì được thực hiện thống nhất theo quy định tại Quyết định 178/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 12/11/2001 về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp; Thông tư liên tịch số 80/2003/TTLT-BNN-BTC của Bộ Nông nghiệp & PTNT và Bộ Tài chính ngày 3/9/2003 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg; Quyết định số 304/2005/QĐ-TTg ngày 23/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hiện hành có liên quan khác.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và khái niệm

1. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao rừng và đất lâm nghiệp là UBND tỉnh và UBND cấp huyện.
2. Bên giao khoán là các Tổ chức Nhà nước được Nhà nước giao rừng và đất lâm nghiệp để sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp gồm: Lâm trường, Ban quản lý các khu rừng phòng hộ, đặc dụng, công ty lâm nghiệp.
3. Bên nhận khoán là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, buôn, nhận khoán rừng từ các tổ chức Nhà nước để sản xuất lâm nghiệp thông qua hợp đồng khoán.
4. Mức hưởng lợi là tỷ lệ % được hưởng trong giá trị lâm sản khai thác sau khi đã nộp thuế theo quy định của Nhà nước. Trong trường hợp bán cây đứng thì mức hưởng lợi là tỷ lệ % tính trên giá trị lâm sản khai thác sau khi nộp thuế.
5. Giá lâm sản là giá trị do UBND tỉnh quy định trong từng thời điểm khai thác.
6. Giá cây đứng là giá lâm sản trừ đi thiết kế phí, chi phí khai thác và các chi phí khác.
7. Lâm sản phụ trong quy định này bao gồm củi, song mây, mật ong, sa nhân...
8. Cộng đồng dân cư thôn, buôn là toàn bộ các hộ gia đình, cá nhân sống trong cùng một thôn, buôn.
9. Lâm sản được hưởng lợi trong quy định này là các sản phẩm khai thác từ rừng, trừ những sản phẩm Nhà nước quy định cấm.

Chương I QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Mức hưởng lợi của gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, buôn được giao rừng tự nhiên là rừng phòng hộ để quản lý, bảo vệ khoanh nuôi tái sinh.

1. Được cấp kinh phí để thực hiện việc quản lý, khoanh nuôi tái sinh rừng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
2. Được thu hái lâm sản phụ, khai thác cây sâu bệnh, cong queo, đổ gãy trong quá trình bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng theo thiết kế được Sở Nông nghiệp & PTNT phê duyệt, cấp giấy phép khai thác và được hưởng 100% giá trị thu được từ các sản phẩm trên sau khi nộp thuế.
3. Được khai thác tre nứa với cường độ tối đa là 30% khi rừng đạt độ che phủ 80% diện tích theo thiết kế được Sở Nông nghiệp & PTNT phê duyệt, cấp giấy phép khai thác và được hưởng toàn bộ giá trị lâm sản sau khi nộp thuế.
4. Được khai thác gỗ theo phương thức chặt chọn với cường độ khai thác không quá 20% khi rừng đủ điều kiện khai thác, được hưởng lợi trên giá trị lâm sản khai thác sau khi nộp thuế. Tỷ lệ hưởng lợi tùy theo trạng thái rừng khi giao. Cụ thể phân chia như sau:
 - a) Rừng có trữ lượng $< 76\text{m}^3/\text{ha}$ được hưởng 90%, nộp ngân sách nhà nước 10%.
 - b) Rừng có trữ lượng $76-100\text{m}^3/\text{ha}$ được hưởng 87%, nộp ngân sách nhà nước 13%.
 - c) Rừng có trữ lượng trên $100\text{m}^3/\text{ha}$ được hưởng 85%, nộp ngân sách nhà nước 15%.

Điều 4. Mức hưởng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, buôn được giao đất chưa có rừng để trồng rừng phòng hộ.

1. Được Nhà nước đầu tư để trồng rừng, chăm sóc bảo vệ theo dự toán thiết kế được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Được khai thác tận dụng khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh, được hưởng 100% giá trị sản phẩm khai thác tận dụng.

3. Được khai thác chọn với cường độ không quá 20% khi rừng được phép khai thác, được hưởng 95% giá trị sản phẩm khai thác sau khi nộp thuế, nộp ngân sách nhà nước 5%. Nếu hộ gia đình, cá nhân, tự bỏ vốn để trồng rừng phòng hộ thì được hưởng 100% giá trị sản phẩm khai thác sau khi nộp thuế.

Điều 5. Mức hưởng lợi của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, buôn được giao rừng tự nhiên là rừng sản xuất.

1. Được khai thác tận thu lâm sản khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh, được hưởng 100% giá trị khai thác tận thu sau khi nộp thuế.

2. Được khai thác gỗ làm nhà tối đa là 10m^3 cho 1 hộ đối với hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng.

3. Được khai thác tre nứa theo quy định, quy phạm hiện hành, giá trị sản phẩm khai thác sau khi nộp thuế được hưởng lợi 95%, nộp ngân sách nhà nước 5%.

4. Được khai thác chính khi rừng được phép khai thác theo quy chế khai thác hiện hành, được hưởng lợi trên giá trị sản phẩm khai thác sau khi nộp thuế, tỷ lệ hưởng lợi tùy theo trạng thái rừng khi giao, cụ thể như sau:

a) Rừng có trữ lượng $< 76 \text{ m}^3/\text{ha}$ được hưởng 80% nộp thuế ngân sách nhà nước 20%.

b) Rừng có trữ lượng $76-100 \text{ m}^3/\text{ha}$ được hưởng 75%, nộp ngân sách nhà nước 25%.

c) Rừng có trữ lượng trên $100\text{m}^3/\text{ha}$ được hưởng 2% mỗi năm kể từ năm nhận rừng, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

Điều 6. Mức hưởng lợi của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, buôn được giao rừng trồng là rừng sản xuất.

1. Được khai thác tận thu khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh, được hưởng 100% giá trị khai thác tận thu sau khi nộp thuế.

2. Được khai thác gỗ làm nhà tối đa 10m^3 cho 1 hộ đối với hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng.

3. Được khai thác chính khi rừng được phép khai thác, được hưởng lợi trên giá trị sản phẩm khai thác sau khi nộp thuế và chi phí đầu tư ban đầu của nhà nước được hưởng tùy theo cấp tuổi khi giao:

a) Rừng trồng có tuổi từ 1-5 tuổi được hưởng 85%, nộp ngân sách nhà nước 15%.

b) Rừng trồng có tuổi từ 6-10 tuổi được hưởng 80%, nộp ngân sách nhà nước 20%.

c) Rừng trồng có tuổi từ 11 tuổi trở lên được hưởng 75%, nộp ngân sách nhà nước 25%.

Điều 7. Mức hưởng lợi của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, buôn được giao đất trồng rừng sản xuất.

1. Được quyền quyết định mục đích, phương thức trồng rừng, lựa chọn loài cây trồng, kỹ thuật trồng và tự quyết định phương thức khai thác, sử dụng lâm sản, được hưởng 100% giá trị sản phẩm sau khi nộp thuế.

2. Nếu nhận vốn hỗ trợ của các dự án thì được hưởng theo quy định của các dự án.

3. Được sử dụng một phần đất lâm nghiệp chưa có rừng để sản xuất nông nghiệp, nhưng không quá 20% diện tích đất được giao.

Điều 8. Mức hưởng lợi của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, buôn nhận khoán bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng phòng hộ.

1. Được trả tiền công khoán bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh theo quy định của nhà nước.

2. Được khai thác cây chết khô, cây đổ gãy, cây sâu bệnh, hoa, quả, dầu, nhựa, lâm sản phụ và lâm sản khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh được hưởng 100% giá trị sản phẩm khai thác.

3. Được khai thác tre, nứa với cường độ tối đa 30% tổng trữ lượng khi rừng đảm bảo độ che phủ trên 80% diện tích nhận khoán. Giá trị sản phẩm khai thác sau khi nộp thuế được hưởng 90%, nộp bên giao khoán 10%.

4. Được khai thác gỗ theo phương thức chặt chọn với cường độ không quá 20% khi rừng được phép khai thác, giá trị sản phẩm khai thác sau khi nộp thuế được hưởng lợi tùy theo trạng thái rừng khi giao:

a) Rừng thứ sinh nghèo kiệt được hưởng 95%, nộp bên giao khoán 5%.

b) Rừng phục hồi sau nương rẫy được hưởng 85%, nộp bên giao khoán 15%.

c) Rừng trung bình và giàu có trữ lượng lớn hơn 100m³/ha được hưởng 2% mỗi năm nhận khoán, phần còn lại nộp bên giao khoán.

Điều 9. Mức hưởng lợi của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, buôn nhận khoán chăm sóc, bảo vệ rừng trồng rừng phòng hộ.

1. Được nhận tiền công để chăm sóc, bảo vệ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Được khai thác lâm sản khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh, được hưởng 100% giá trị sản phẩm khai thác sau khi nộp thuế.

3. Được khai thác gỗ theo phương thức chặt chọn với cường độ không quá 20% khi rừng được phép khai thác, được hưởng lợi trên giá trị sản phẩm khai thác sau khi nộp thuế, tỷ lệ hưởng lợi tùy theo cấp tuổi rừng khi giao khoán, cụ thể phân chia như sau:

a) Rừng trồng có tuổi từ 1-5 tuổi được hưởng 85%, nộp bên giao khoán 15%

b) Rừng trồng có tuổi từ trên 6 tuổi đến 10 tuổi được hưởng 80%, nộp bên giao khoán 20%.

c) Rừng trồng có trên 10 tuổi được hưởng 75%, nộp bên giao khoán 25%.

Điều 10. Mức hưởng lợi của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, buôn nhận khoán bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

1. Được khai thác hoa, quả, dầu, nhựa, lâm sản phụ, cây chết khô, cây đổ gãy, cây cong queo sâu bệnh, lâm sản trong quá trình thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh, được hưởng 100% giá trị sản phẩm khai thác.

2. Được khai thác chính khi rừng được phép khai thác theo thiết kế được Sở Nông nghiệp&PTNT phê duyệt. Giá trị lâm sản sau khi nộp thuế được hưởng 2% mỗi năm nhận khoán, phần còn lại nộp bên giao khoán.

Điều 11. Mức hưởng lợi của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, buôn nhận khoán phục hồi rừng tự nhiên là rừng sản xuất, bằng biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh kết hợp trồng bổ sung.

1. Được bên giao khoán cấp kinh phí để khoanh nuôi xúc tiến tái sinh theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Được thu hái lâm sản phụ, lâm sản khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh được hưởng 100% giá trị sản phẩm khai thác sau khi nộp thuế.

3. Được khai thác khi rừng đạt tiêu chuẩn khai thác theo thiết kế do bên giao khoán lập, được hưởng 2% năm giá trị sản phẩm khai thác sau khi nộp thuế, phần còn lại nộp bên giao khoán. Nếu hộ gia đình, cá nhân tự bỏ vốn để đầu tư được hưởng 3% năm giá trị sản phẩm khai thác cho mỗi năm nhận khoán sau khi nộp thuế, phần còn lại nộp bên giao khoán.

Điều 12. Mức hưởng lợi của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, buôn nhận khoán trồng, chăm sóc bảo vệ rừng sản xuất.

1. Được bên giao khoán cấp kinh phí trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng sản xuất theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Được tận thu lâm sản trong quá trình thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh được hưởng 100% giá trị sản phẩm tận thu sau khi nộp thuế.

3. Được khai thác khi rừng đạt tiêu chuẩn khai thác, giá trị lâm sản khai thác sau khi nộp thuế được hưởng 2% cho mỗi năm nhận khoán, phần còn lại nộp bên giao khoán.

a) Nếu hộ gia đình, cá nhân tự bỏ vốn đầu tư được hưởng 95% giá trị sản phẩm khai thác sau khi nộp thuế phần còn lại nộp bên giao khoán.

b) Nếu hộ gia đình, cá nhân cùng đầu tư với bên giao khoán thì chia theo tỷ lệ góp vốn.

Điều 13 Nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, buôn được giao, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp.

1. Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng và đất lâm nghiệp có nghĩa vụ sau:

a) Quản lý, bảo vệ, sử dụng rừng và đất lâm nghiệp được giao đúng mục đích, đúng ranh giới đã ghi trong Quyết định giao đất lâm nghiệp của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

b) Bảo toàn và phát triển vốn rừng được giao. Phải thực hiện các biện pháp tái tạo rừng trong vòng 1 năm sau khi khai thác.

b) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Hộ gia đình, cá nhân nhận khoán bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng có nghĩa vụ sau đây:

a) Sử dụng rừng và đất lâm nghiệp nhận khoán đúng mục đích, đúng nội dung, kế hoạch đã ghi trong hợp đồng khoán.

b) Bán sản phẩm sản xuất ra trên đất nhận khoán theo hợp đồng khoán.

c) Nếu vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho bên giao khoán thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các ngành cấp tỉnh.

1.Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quy định này, tổng hợp các vướng mắc trong quá trình thực hiện của các cấp, các ngành và chủ rừng, báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh. Hướng dẫn thủ tục khai thác theo quy định của quy chế khai thác gỗ và lâm sản tại Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN ngày 7 tháng 7 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp & PTNT.

2.Sở Tài chính:

a) Hàng năm với các ngành chức năng xác định giá lâm sản làm cơ sở tính mức hưởng lợi khi giao đất giao rừng trình UBND tỉnh quyết định.

b) Hướng dẫn việc theo dõi quản lý sử dụng các khoản thu, chi cho các hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn, trích nộp từ tiền bán lâm sản trong quá trình khai thác hưởng lợi.

c) Phối hợp với UBND cấp huyện theo dõi, hướng dẫn xác định mức hưởng lợi cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, buôn được giao đất, giao rừng và các khoản trích nộp tiền bán lâm sản cho ngân sách nhà nước trong quá trình khai thác hưởng lợi theo quy định.

3.Sở Tài nguyên & Môi trường

a) Theo dõi biến động về đất lâm nghiệp và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp.

b) Phối hợp với UBND các huyện rà soát lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp đã giao, làm cơ sở thực hiện hưởng lợi theo quy định này.

4.Chi cục kiểm lâm :

a) Kiểm tra, giám sát, theo dõi việc thực hiện khai thác, tiêu thụ sản phẩm của các chủ rừng theo quy định pháp luật hiện hành.

c) Tham gia với Sở nông nghiệp & PTNT, Sở Tài chính xác định giá lâm sản trong từng thời điểm.

Điều 15. Trách nhiệm của UBND cấp huyện.

a) Thực hiện việc quản lý nhà nước của cấp huyện về bảo vệ và phát triển rừng theo quy định của pháp luật về Bảo vệ và phát triển rừng.

b) Chỉ đạo của UBND cấp xã phổ biến quy định này đến các hộ được giao, khoán rừng và đất lâm nghiệp, sử dụng có hiệu quả và làm nghĩa vụ ngân sách theo đúng quy định, đôn đốc kiểm tra các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, buôn thực hiện trách nhiệm tái tạo rừng sau khi khai thác theo quy định.

c) Phối hợp với các ngành: Tài nguyên & Môi trường, Kiểm lâm, Nông nghiệp & PTNT, rà soát, bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp đã giao, làm cơ sở thực hiện hưởng lợi theo quy định này.

Điều 16. Trách nhiệm của UBND cấp xã.

a) Thực hiện việc quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng theo quy định của pháp luật.

b) Phổ biến quy định này đến các hộ được giao, khoán rừng và đất lâm nghiệp; đôn đốc, kiểm tra các hộ gia đình thực hiện trách nhiệm tái tạo lại rừng sau khai thác.

Điều 17. Trách nhiệm của các Ban quản lý rừng, lâm trường, công ty lâm nghiệp, các tổ chức kinh tế khác được Nhà nước giao rừng.

Phổ biến quy định này đến các hộ được giao, khoán rừng và đất lâm nghiệp, rà soát lại các hợp đồng giao khoán làm cơ sở thực hiện hưởng lợi theo quy định này.

Điều 18: Trách nhiệm của cán bộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, buôn.

Thực hiện đúng nghĩa vụ, quyền lợi theo quy định, tự kiểm tra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng giao khoán, nếu chưa đầy đủ nội dung theo quy định thì đề nghị đơn vị giao khoán hoặc cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi bổ sung.

**Chương IV
KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 19. Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn, buôn, chủ rừng thực hiện tốt quy định này sẽ được khen thưởng. Nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Thanh Tương